TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Kim Dung.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị H trình bày: Chị kết hôn với

anh Ngô Văn Q trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, anh Quang thì mải mê rượu chè, cờ bạc, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 10/2021 anh chị đã li thân nhau, không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn Q.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Ngô Văn Q, đồng thời nhiều lần triệu tập anh Q đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị H xin ly hôn anh, nhưng anh Q đều cố tình vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tiến hành xác minh với bố đẻ chị H và hàng xóm cạnh nhà anh Q, chị H cũng như làm việc với chính quyền địa phương xã T, huyện K, kết quả đều xác định: Anh Ngô Văn Q là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã T, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh Q đã xảy ra là thực tế, chủ yếu do nguyên nhân anh Q hay uống rượu say rồi đánh chửi vợ con. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Ngô Hải N, sinh ngày 01/6/2009 và Ngô Trịnh An B, sinh ngày 22/6/2014, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H xác định không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H: Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Ngô Văn Q. Về con chung: Giao cháu Ngô Hải N, sinh ngày 01/6/2009 và cháu Ngô Trịnh An B, sinh ngày 22/6/2014 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động, tự lập được. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Ngô Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Ngô Văn Q là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/01/2009 tại UBND xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, căng thẳng. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh Q; còn anh Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh Q xảy ra là thực tế, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ tháng 10/2021 đến nay anh chị li thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh Q là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh Q có hai con chung là Ngô Hải N, sinh ngày 01/6/2009 và Ngô Trịnh An B, sinh ngày 22/6/2014, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị H. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cả hai cháu đều ở cùng với chị H và được chị nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định; ngoài ra bản thân chị H đang làm cho Công ty TNHH May và Thương mại VN tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có thu nhập ổn định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu N và cháu B, anh Q không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Ngô Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Hải N, sinh ngày 01/6/2009 và cháu Ngô Trịnh An B, sinh ngày 22/6/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000127 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Hà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Quang vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Tiên Hiệp, TP. Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo